

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Đạt giải
1	010802	LÊ HUỖN ANH	09/02/2010	9A2	THCS Thành Công	Ba Đình	Giáo dục công dân	Ba
2	010803	NGÔ TRÂM ANH	19/08/2011	8A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Giáo dục công dân	Nhì
3	010804	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	15/03/2010	9A1	THCS Ba Đình	Ba Đình	Giáo dục công dân	Khuyến khích
4	010805	NGUYỄN TRÂM ANH	25/02/2010	9A2	THCS Thành Công	Ba Đình	Giáo dục công dân	Ba
5	010807	NGUYỄN BẢO CHÂU	08/10/2010	9A2	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Giáo dục công dân	Ba
6	010808	TRẦN MINH KHUÊ	22/12/2011	8A1	THCS Thành Công	Ba Đình	Giáo dục công dân	Nhì
7	010809	NGUYỄN LƯU KHÁNH LINH	15/05/2010	9A2	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Giáo dục công dân	Khuyến khích
8	010401	NGUYỄN MINH HÀ AN	18/10/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Khuyến khích
9	010402	NGUYỄN HUY ANH	26/03/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Nhì
10	010403	PHAN VŨ ĐĂNG KHOA	12/10/2010	9A2	THCS Thăng Long	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Khuyến khích
11	010404	NGUYỄN DUY BÌNH MINH	04/06/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Nhất
12	010405	TRẦN LÊ MINH	09/02/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Nhì
13	010406	HOÀNG ĐĂNG NGUYỄN	25/07/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Nhì
14	010407	HOÀNG MINH NGUYỄN	26/06/2010	9A6	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Khuyến khích
15	010408	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	26/07/2010	9A7	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Nhì
16	010409	VŨ HỒNG PHÚC	10/03/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Nhất
17	010410	NGUYỄN CHÍ MINH VŨ	13/12/2011	8A4	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	Nhì
18	010301	TRẦN DUY ANH	28/02/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	Nhì
19	010302	LÊ GIA HIỀN	04/03/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	Khuyến khích
20	010303	NGUYỄN NGỌC HÀ LINH	02/05/2011	8A7	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	Khuyến khích
21	010304	NGUYỄN CÔNG LĨNH	29/03/2010	9A1	THCS Nguyễn Tri Phương	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	Nhì
22	010305	NGUYỄN VĂN BẢO LONG	28/11/2010	9A7	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	Ba
23	010306	NGUYỄN TUẤN MINH	10/04/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	Ba
24	010307	TRẦN ĐỨC MINH	28/01/2010	9A3	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	Ba
25	010308	HOÀNG GIA PHÚC	08/07/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	Ba
26	010501	LÊ NGỌC LINH CHI	13/01/2010	9A3	THCS Phan Chu Trinh	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Ba
27	010502	PHẠM NGUYỄN NGÂN HÀ	21/02/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhất
28	010503	HOÀNG AN KHANG	14/11/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhất
29	010504	TRƯƠNG AN KHÁNH	07/02/2010	9D	THCS Thăng Long	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Ba
30	010505	HOÀNG KHAI LÂM	17/10/2010	9A6	THCS Thăng Long	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Khuyến khích
31	010506	NGUYỄN GIA LINH	17/10/2010	9A11	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhì
32	010507	NGUYỄN KHÁNH LINH	15/01/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhì
33	010508	ĐÌNH NGUYỄN TUỆ MINH	01/08/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhì
34	010509	TRẦN LAN PHƯƠNG	11/03/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhất
35	010510	VŨ DIỄM QUỲNH	12/01/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	Nhất
36	010702	TRẦN VĂN GIANG	15/12/2010	9A10	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Địa lý)	Khuyến khích
37	010704	HỒ HOÀNG MINH	08/03/2010	9A1	THCS Phúc Xá	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Địa lý)	Khuyến khích
38	010707	ĐƯƠNG QUỐC BAO NAM	13/07/2010	9A2	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Địa lý)	Nhì
39	010708	NGUYỄN CẨM NGỌC	18/11/2010	9A10	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Địa lý)	Ba
40	010601	ĐÌNH THÁI AN	14/03/2010	9A1	THCS Vinschool Metropolis	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Khuyến khích
41	010602	TRẦN ĐỨC ANH	12/12/2011	8A9	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Ba
42	010603	MAI THỊ THANH BÌNH	20/06/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Nhì
43	010604	NGÔ KHÁNH CHI	27/07/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Nhất
44	010606	NGUYỄN DUY KHÔI	20/09/2010	9A1	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Nhì
45	010607	NGUYỄN VŨ NGỌC LINH	01/11/2010	9A3	THCS Thành Công	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Nhì
46	010608	NGUYỄN THANH MAI	07/10/2010	9A7	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Ba
47	010609	NGUYỄN NAM	20/07/2010	9A6	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Khuyến khích
48	010610	BÙI MINH QUANG	21/09/2010	9A6	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phân môn Lịch sử)	Ba
49	010101	ĐƯƠNG KIỀU ANH	28/02/2010	9A1	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Khuyến khích
50	010102	TRINH PHƯƠNG ANH	25/08/2010	9A3	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Khuyến khích
51	010103	NGUYỄN ĐĂNG HUY	27/04/2010	9A1	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Nhất
52	010104	VĂN HÀ HƯƠNG	04/09/2010	9A1	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Nhì
53	010105	ĐOÀN AN KHANH	27/12/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	Ba
54	010110	LÊ NAM PHƯƠNG	15/05/2010	9D	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Ngữ văn	Nhì
55	010901	NGUYỄN MỸ ANH	09/04/2011	8A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Tiếng Anh	Ba
56	010902	PHẠM TRÍ ANH	28/03/2010	9A0	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tiếng Anh	Ba
57	010903	TRẦN MINH ANH	22/03/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Nhì
58	010904	TRẦN NGUYỄN BẢO ANH	14/10/2010	9A2	THCS Vinschool Metropolis	Ba Đình	Tiếng Anh	Khuyến khích
59	010905	ĐƯƠNG NGỌC LINH GIANG	25/08/2010	9A2	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Tiếng Anh	Khuyến khích
60	010906	VŨ KHÁNH LINH	09/02/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Ba
61	010907	NGUYỄN MINH	15/08/2010	9A2	THCS Ba Đình	Ba Đình	Tiếng Anh	Ba
62	010908	NGUYỄN HÀ MY	25/01/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Tiếng Anh	Nhất
63	010909	NGUYỄN BẢO NAM	18/01/2010	9A8	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Khuyến khích
64	010910	ĐÌNH MINH PHƯƠNG	10/02/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	Ba
65	011201	TÔN TUỆ ANH	21/01/2010	9C	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	Nhì
66	011202	PHẠM KHÁNH CHI	07/03/2010	9A2	THCS Nguyễn Công Trứ	Ba Đình	Tiếng Nhật	Khuyến khích
67	011203	KIỀU NGUYỄN ĐAN HÀ	27/04/2010	9C	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	Khuyến khích
68	011204	LÂM BAO HÀ	12/04/2010	9C	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	Khuyến khích
69	011205	TRẦN MINH KHUÊ	07/04/2010	9A3	THCS Thành Công	Ba Đình	Tiếng Nhật	Ba
70	011206	VŨ GIA LINH	18/08/2009	9B	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	Nhì
71	011207	LÊ NGỌC HUỖN MY	09/10/2010	9A3	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tiếng Nhật	Nhì
72	011209	NGUYỄN MỸ TÂM	18/07/2010	9D	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tiếng Nhật	Ba
73	011210	ĐỖ Ý THUY TIỀN	11/01/2010	9A2	THCS Nguyễn Công Trứ	Ba Đình	Tiếng Nhật	Khuyến khích
74	011003	ĐỖ HƯƠNG GIANG	18/02/2011	8P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Nhì
75	011005	HOÀNG CHI ĐIỀU LINH	14/03/2010	9P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Ba
76	011006	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	04/03/2010	9P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Khuyến khích
77	011007	NGUYỄN PHƯƠNG NGUYỄN	01/11/2011	8P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	Nhì
78	011303	NGUYỄN VIỆT BÁCH	18/10/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	Ba
79	011305	PHẠM MINH KHÔI	10/04/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Tin học	Nhì
80	011306	ĐÌNH LÊ MINH	20/06/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	Nhì
81	011309	TRIỆU BÌNH SƠN	27/10/2010	9A8	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	Khuyến khích
82	010201	NGUYỄN NHƯ HOÀNG BÁCH	04/05/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Toán	Ba
83	010202	PHẠM ANH DŨNG	01/03/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Toán	Nhất
84	010203	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	30/12/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Toán	Khuyến khích
85	010204	NGUYỄN MINH KHANG	13/09/2010	9A9	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Khuyến khích
86	010205	PHẠM GIA KIỆM	26/10/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Toán	Nhì
87	010206	PHẠM VŨ NHẬT MINH	28/04/2010	9A2	THCS Nguyễn Công Trứ	Ba Đình	Toán	Ba
88	010207	TRẦN THỊ PHÚC	06/11/2010	9A1	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba Đình	Toán	Khuyến khích
89	010208	HOÀNG ANH QUÂN	20/04/2010	9A1	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba Đình	Toán	Khuyến khích
90	010209	VŨ ĐÌNH MINH TÂN	25/08/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	Ba
91	010210	LƯU CÔNG THÀNH	28/02/2010	9A5	THCS Thành Công	Ba Đình	Toán	Ba